

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 8

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỠ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ

1. GIỚI CẮT Y DƯ QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại một tinh xá có lầu gác trong rừng Đại-lâm thuộc thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành nơi các thôn xóm rồi chở về đầy xe các thứ vải vóc phẩm vật đã nhận được. Sáng sớm hôm ấy, Thế Tôn nghe tiếng xe chở nặng, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Tiếng xe gì vậy?”.

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng xe của Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành tại các thôn xóm đã nhận được nhiều vải vóc và phẩm vật chở về”.

Khi ấy, Thế Tôn bèn suy nghĩ: “Các đệ tử của Ta tìm cầu nhiều y vật đến như vậy nhỉ!”. Sau đó vào một đêm mỏng tám giữa mùa đông, tuyết sa rất lạnh, đầu đêm Thế Tôn mặc chiếc áo nhập vào thiền có giác, có quán, đến lúc nửa đêm cảm thấy hơi lạnh, Thế Tôn bèn mặc chiếc áo thứ hai, nhưng đến cuối đêm, lại cảm thấy lạnh hơn, bèn mặc thêm chiếc áo thứ ba. Thế rồi, Ngài suy nghĩ: “Các đệ tử của Ta chỉ cần mặc ba y (áo) là đủ ngăn ngừa những khi quá lạnh, quá nóng, để phòng muỗi mòng, che khuất sự hổ thẹn, không làm tổn thương đến thánh thể. Nếu ai không chịu nổi rét lạnh thì Ta cho phép mặc thêm những chiếc áo cũ”.

Thế rồi, trải qua đêm đến sáng sớm, Thế Tôn bèn đi đến chỗ các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: “Một hôm vào buổi sớm mai Ta nghe tiếng xe chở nặng bèn hỏi các Tỳ-kheo: “Tiếng xe gì thế?”, các Tỳ-kheo đáp: “Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành các xóm làng và nhận được nhiều y vật, nên đã dùng xe chở về vậy”. Ta bèn suy nghĩ: “Các đệ tử của Ta tìm cầu nhiều y vật, sinh mặc nhiều

áo thế nhỉ?”. Rồi vào một đêm mừng tám giữa mùa đông... cho đến mặc ba chiếc áo, bèn suy nghĩ: “Các đệ tử của Ta chỉ cần mặc ba y là vừa đủ ngăn ngừa khi quá lạnh, quá nóng, đề phòng các muỗi mòng, che khuất sự hổ thẹn, không làm tổn thương đến thánh thể”. Từ hôm nay trở đi, Ta cho phép các Tỳ-kheo chỉ cất giữ chừng ba y. Nếu được vải mới thì may một y Tăng-già-lê hai lớp, một y Uất-đa-la-tăng một lớp và một y An-đà-hội một lớp. Nếu ai không kham chịu lạnh thì Ta cho phép tùy ý mặc thêm những chiếc y cũ”.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại một làng kia có ba Tỳ-kheo Ma-ha-la cùng sống chung. Rồi một người qua đời để lại nhiều y vật, hai người còn sống không biết chia cách nào, một Tỳ-kheo nói: “Tôi cần Tăng-già-lê”. Người thứ hai cũng nói: “Tôi cũng cần nó”. Như vậy hai người đều muốn giành các vật mà không thể quyết đoán được. Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà du hành các thôn xóm rồi ghé qua chỗ họ. Các Ma-ha-la từ xa trông thấy thầy đến, bèn suy nghĩ: “Ông này thuộc dòng dõi Thích Ca, tướng hảo đoan nghiêm, xuất gia từ dòng giống Phật, có thể giúp chúng ta chấm dứt sự tranh giành này”, bèn thưa: “Tại chỗ chúng tôi hiện có các y vật, ai cũng muốn giành lấy, không thể chia được. Hôm nay mong Tôn giả hãy vì chúng tôi mà chia giúp các y vật này để tránh sự tranh giành”.

Ưu-ba-nan-đà đáp: “Tôi chia giúp y vật cho các ông tránh sao khỏi các ông oán tôi”.

Ma-ha-la nói: “Nếu thầy không chia thì ai chia giúp chúng tôi? Chẳng lẽ chúng tôi đi nhờ các ngoại đạo chia giùm y vật hay sao?”.

Ưu-ba-nan-đà lại nói: “Trước hết hai người phải cam kết nghe theo lời tôi, thì tôi mới chia cho”.

Đáp: “Xin nghe lời”.

Thế rồi, Ưu-ba-nan-đà bảo: “Đem hết các vật ra đây”.

Họ bèn đem ra. Rồi Ưu-ba-nan-đà chia làm ba phần. Khi ấy, Ma-ha-la suy nghĩ: “Chúng ta chỉ có hai người mà ông ta lại chia làm ba phần, hay là ông ta muốn lấy một phần chăng? Vậy hãy bảo ông ta lấy một phần để chấm dứt sự tranh chấp của chúng ta”.

Sau khi chia ba phần ấy đã xong, Ưu-ba-nan-đà lại hỏi các Ma-ha-la: “Còn vật gì hãy đem hết ra đây, kể để sau này lại tranh chấp nhau nữa”. Người thứ nhất không muốn đem ra, nhưng người thứ hai bèn lấy mang ra, rồi nói: “Hết cả rồi”. Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà bèn chia thêm vào ba phần trước rồi tự mình đứng giữa hai phần, còn một phần đem đặt giữa hai Ma-ha-la, nói: “Các ông hãy nghe tôi làm Yết-ma”.

Đáp: “Vâng”, bèn nói: “Hai phần này và cả tôi, như vậy tôi có ba; còn hai ông và một phần, như vậy hai ông cũng có ba. Thế là đấng này ba, đấng đó ba, hai bên đều được Ba-là công bằng phải không?”. Các Ma-ha-la vì trước đó đã cam kết, hơn nữa do sợ uy con dòng họ Thích, nên không dám nói gì nữa.

Thế nên hai người bằng lòng nhận lấy một phần ấy, nhưng không biết làm sao chia, bèn nói: “Trưởng lão! Phần này của chúng tôi giờ đây phải chia bằng cách nào?”.

Bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà bèn chia ra làm hai phần. Rồi mỗi Ma-ha-la nhận lấy một phần mang đi.

Lúc này, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao mà Ưu-ba-nan-đà lại lừa gạt các Tỳ-kheo Ma-ha-la kia như vậy?”.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Ông Ưu-ba-nan-đà này không những ngày nay lừa gạt các Tỳ-kheo ấy mà trong thời quá khứ cũng đã từng lừa dối họ”. Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: “Đã từng có như vậy sao?”.

Đáp: “Đã từng có như vậy. Trong thời quá khứ, tại một nước ở phương Nam, có một con sông trong sạch, trong sông ấy có hai con rái cá, một con có thể lặn xuống nước sâu, còn một con chỉ lặn ở trên cạn. Bấy giờ, con lặn dưới sâu, bắt được một con cá lý... như trong kinh Bản Sinh đã nói rõ”.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Vì mười việc lợi ích mà cứ năm hôm Đức Như Lai đi tuần hành đến các phòng Tỳ-kheo một lần. Khi Thế Tôn đi qua các phòng, đến phòng của A-nan-đà trông thấy trong phòng cất chứa nhiều y vật: Có y đang hong phơi, có y đang may, có cái đang nhuộm, có cái vừa mới đập cho hết hồ, có cái tác tịnh. Nan-đà sắp xếp từng chỗ như thế, giống như đang chuẩn bị mở đại hội bố thí các tăng vật.

Khi ấy, Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: “Nan-đà! Những y vật này của ai thế?”.

Đáp: “Của con đấy”.

Phật nói: “Này Tỳ-kheo! Y này nhiều quá”.

Nan-đà liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn cho phép dùng hai lớp y Tăng-già-lê, một lớp y Uất-đa-la-tăng và một lớp y An-đà-hội kia mà”.

Phật nói: “Nhưng y này cũng vẫn nhiều”.

Đáp: “Bạch Thế Tôn! Con có các đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ

đều cần may hai lớp y Tăng-già-lê, một lớp y Uất-đa-la-tăng, một lớp y An-đà-hội, lại còn may y cho Sa-di nữa”.

Phật lại nói: “Nhưng y này cũng vẫn còn nhiều”.

Rồi thầy bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Những người xuất gia chúng con khi cần đến y phục thì khó tìm được, cho nên các vải vóc này giặt phơi xong rồi, con đem cất vào trong tủ, để khi y phục bị rách sẽ lấy ra may y mà dùng”.

Phật bèn nói với Nan-đà: “Đó là việc xấu. Ông là người xuất gia vì sao vẫn còn tham lam như kẻ thế tục? Ông há không thường nghe Ta chê trách đa cầu, đa dục, khó thỏa mãn và khen ngợi thiếu dục tri túc hay sao? Thế mà nay ông lại đa dục, khó thỏa mãn, cầu nhiều y vật cất chứa lâu dài. Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Vì sao lại cất chứa vải lâu ngày để dùng? Từ nay trở đi nếu nhận được vải vóc thì cho phép cất giữ một đêm”.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Nan-đà này lại cất chứa nhiều vải mà không biết đủ?”.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông Nan-đà này không những ngày nay cất chứa nhiều vải vóc, không biết đủ, mà trong thời quá khứ cũng đã từng cất chứa nhiều, không biết đủ, như trong kinh Điều Sinh (Thuộc Bản Sinh?) đã nói rõ”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Câu-xá-di, được chư Thiên và người đời cung kính cúng dường. Đến giờ khát thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát đi vào thành Câu-xá-di tuần tự khát thực. Bấy giờ, hoàng hậu của quốc vương tên là Xá Di, đem một ngàn năm trăm tấm dạ cúng dường cho Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan đem những tấm dạ ấy chia cho các Tỳ-kheo. Trưởng lão A-nan liền đem chia cho các Tỳ-kheo, nhưng các Tỳ-kheo không nhận, và nói với A-nan: “Dùng kiếp bối nhuộm chưa xong, cho nên không đúng pháp”.

Khi đó, A-nan đem nhân duyên ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với A-nan: “Từ nay trở đi nếu được vải thừa, Ta cho phép để dành đến mười hôm”.

Thế rồi, có các Tỳ-kheo cất vải thừa đã đủ mười ngày bèn cầm đến bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Những vải này cất đã mười ngày, nay phải làm sao?”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Nếu có Tỳ-kheo bạn ở gần bên thì nên làm phép tịnh thí, rồi mười ngày thay đồ cũ và mặc đồ mới một lần”.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, hằng năm, dân chúng tại

thành này cúng dường chúng Tăng ăn uống xong rồi, bèn bố thí y vật cho các Tỳ-kheo, nhưng các Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, các thí chủ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Có phương tiện gì cho phép các Tỳ-kheo nhận các y vật về dùng, để cho người bố thí thì được phước, người thọ dụng thì được lợi ích hay không?”.

Phật nói: “Được”. Như trên đã nói rõ.

Bấy giờ, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu Tỳ-kheo, việc y phục đã hoàn tất, y Ca-hi-na cũng đã xả, nhận được y (do thí chủ cúng dường) được cất giữ trong vòng mười hôm; nếu quá mười hôm thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề”.

GIẢI THÍCH:

- Y phục đã hoàn tất: Tỳ-kheo đã may xong ba y, gọi là y đã hoàn tất. Hoặc không thọ y Ca-hi-na, cũng gọi là y đã hoàn tất. Hoặc đã xả y Ca-hi-na, cũng gọi là y đã hoàn tất. Hoặc y giặt nhuộm đã xong, cũng gọi là y đã hoàn tất.

- Y: Gồm có các loại: Y Khâm-bà-la, y Kiếp-bối, y Sô-ma, y Câu-xá-da, y Xá-na, y Ma, y Khu-mâu-đề. Lại có các loại y khác như: Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Ni-sư-đàn, y Tắm mưa, y Che ghế, y Chắp vá, y Cư sĩ, y Phấn tảo, hoặc làm, hoặc không làm, y như pháp, y không như pháp, y biết rõ, y Ca-hi-na. Đó gọi là y.

- Đã xả: Tức xả y Ca-hi-na. Có mười trường hợp xả y như sau:

1. Thọ y xả.
2. Y hết xả.
3. Hết thời gian mà xả.
4. Nghe xả.
5. Ra đi (khỏi trú xứ) xả.
6. Bị mất mà xả.
7. Bị hư mà xả.
8. Đưa y đi chỗ khác mà xả.
9. Thời gian đã qua mà xả.
10. Hết thời gian mà xả.

Đó gọi là mười trường hợp xả y.

- Vừa đúng mười ngày: Số ngày tối đa là mười ngày.

- Y để lâu ngày (trường y): Ngoại trừ số y được phép thọ dụng, các y khác nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Nghĩa là chiếc y đó cần phải xả giữa Tăng,

rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nhưng nếu không xả mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

- Ba-dạ-đề: Các tội phải đọa vào đường ác như: Tội được thấy, được nghe, tội bị cử (nêu ra) v.v... Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, rồi liên tục các ngày khác đều nhận được y, thì được cất trong vòng mười ngày không cần tác tịnh (cho tượng trưng). Nếu quá mười ngày thì tất cả các y đó đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, rồi liên tục các ngày khác cũng được y mà trong nửa số đó có tác tịnh, nửa số không tác tịnh, thì những cái có tác tịnh là hợp pháp, còn những cái không tác tịnh là không hợp pháp, nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai tác tịnh; ngày thứ hai lại được y, ngày thứ ba tác tịnh; ngày thứ ba lại được y, ngày thứ tư tác tịnh; ngày thứ tư lại được y, ngày thứ năm tác tịnh; ngày thứ năm lại được y, ngày thứ sáu tác tịnh; ngày thứ sáu lại được y, ngày thứ bảy tác tịnh; ngày thứ bảy lại được y, ngày thứ tám tác tịnh; ngày thứ tám lại được y, ngày thứ chín tác tịnh; ngày thứ chín lại được y, ngày thứ mười tác tịnh; ngày thứ mười lại được y để đến ngày thứ mười một, thì tất cả đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vì tương tục không gián đoạn vậy.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y liền tác tịnh ngay trong ngày ấy, cho đến hết ngày thứ mười được y, liền tác tịnh trong ngày thứ mười, ngày thứ mười một được một y, tác tịnh trong ngày thứ mười một, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Vì không gián đoạn vậy.

- Gián đoạn: Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, bèn đình lại đến chín ngày; ngày thứ hai được y, bèn đình lại đến tám ngày, ngày thứ ba được y, bèn đình lại đến bảy ngày; ngày thứ tư được y, bèn đình lại đến sáu ngày; ngày thứ năm được y, bèn đình lại đến năm ngày; ngày thứ sáu được y, bèn đình lại đến bốn ngày; ngày thứ bảy được y, bèn đình lại đến ba ngày; ngày thứ tám được y, bèn đình lại đến hai ngày; ngày thứ chín được y, bèn đình lại đến một ngày; ngày thứ mười được y, bèn tác tịnh tất cả các y kể trên trong ngày thứ mười. Nếu ngày thứ mười một được y, thì không nên nhận. Đó gọi là gián đoạn.

Nếu Tỳ-kheo trước được y nhiều, sau được y ít, do vì hiệu lực của y trước, nên phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước được y ít, sau được y nhiều, vì hiệu lực của y trước, nên phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước có y, trung gian không có, nếu có thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước không có y, trung gian lại có, nếu có, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Lại có các trường hợp) Hoặc các Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà tưởng có thọ; hoặc đã xả y Ca-hi-na mà tưởng chưa xả; hoặc không thọ y mà tưởng có thọ; hoặc không tác tịnh mà tưởng đã tác tịnh; hoặc không cho (người khác) mà tưởng đã cho; hoặc không ghi nhớ mà tưởng ghi nhớ; hoặc vì trong lòng mê muội, tác tịnh không đúng chỗ...

- Không thọ y Ca-hi-na mà tưởng có thọ: Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà tự bảo đã thọ, rồi cất giữ y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Đã xả y Ca-hi-na mà tưởng chưa xả: Tỳ-kheo đã xả y Ca-hi-na mà tự bảo chưa xả, rồi cất giữ y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Chưa thọ y mà tưởng đã thọ: Nếu Tỳ-kheo đối với ba y tự mình không thọ mà tự bảo mình đã thọ rồi, nên không tác tịnh để y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Chưa tác tịnh mà tưởng đã tác tịnh: Tỳ-kheo cất y lâu ngày không tịnh thí (cho người khác theo thủ tục chứ không thực cho), mà tưởng mình đã tịnh thí rồi để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Không cho mà tưởng đã cho: Chiếc y ấy không hiến cho Tháp, không hiến cho Tăng, không cho người, mà bảo là đã cho rồi, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Không nhớ rõ mà tưởng nhớ rõ: Nếu Tỳ-kheo không nhớ rõ rằng đây là Ni sư đàn, đây là y Che gẻ, đây là áo tắm mưa, mà tưởng là nhớ rõ, rồi không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Mê muội: Nếu Tỳ-kheo được y, mà vì mê muội, nên không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

- Tâm niệm thuyết tịnh: Trong lòng định thuyết tịnh, mà miệng không nói thành lời đó gọi là thuyết tịnh phi pháp, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu miệng nói thì không có tội.

- Không đúng chỗ: Nếu tác tịnh với người thế tục, người không hay biết, với súc sinh, thì cũng như không tác tịnh. Nếu (tác tịnh rồi) để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ưu-ba-ly bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ-kheo có y thừa muốn tác tịnh, vậy phải tác tịnh với ai?”.

Phật nói với Ưu-ba-ly: “Nên tác tịnh với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni”.

Lại hỏi: “Tác tịnh với những người ở cách mình chừng bao xa?”.

Phật nói: “Chừng ba do-tuần và phải biết họ đã mất hay còn (Họ còn sống mới tác tịnh được)”.

Ưu-ba-ly lại bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chiếc y để dành đem tác tịnh với Sa-di mà Sa-di ấy thọ giới Cụ túc thì thế nào?”.

Phật nói: “Xưng là Tỳ-kheo không có tuổi hạ để tác tịnh”.

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Nếu ông Tỳ-kheo không có tuổi hạ ấy chết thì phải làm sao?”.

Phật đáp: “Được đình lại mười ngày, rồi tác tịnh với những người quen biết khác”.

Lại hỏi: “Tắm vải rộng mức độ nào phải tác tịnh? Mức độ nào khỏi phải tác tịnh?”

Phật nói: “Nếu tắm vải (y) rộng chừng một khuỷu tay, dài chừng hai khuỷu tay thì phải tác tịnh. Nhưng nếu hai Tỳ-kheo có một tấm vải chung chưa chia thì không phạm. Nếu đã chia ra rồi thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề”.

Nếu nhà Bà-la-môn mời chư Tăng đến thọ trai và bố thí vải vóc, nhưng có một Tỳ-kheo do bệnh bèn nhờ người khác nhận giúp phần vải của mình, rồi Tỳ-kheo ấy nhận giúp phần vải đó đem về, tuy cất lâu ngày chưa đưa vẫn không phạm tội. Nhưng khi Tỳ-kheo bệnh đã nhận rồi thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nghe nói thầy hoặc đệ tử sẽ cho y cho mình, nhưng chưa nhận được, thì lâu ngày vẫn không phạm tội. Nếu đã nhận được thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nhờ thợ dệt áo cho mình, áo tuy dệt xong đã lâu mà họ chưa đưa, thì Tỳ-kheo không phạm tội. Nhưng nếu đã nhận được áo thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo mua y, tuy giá cả đã dứt khoát, nhưng chưa nhận được y thì không phạm tội. Nếu đã nhận được y thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vì việc cúng dường Phật, cúng dường Tăng, rồi đi tìm kiếm y đem về để một chỗ, tuy lâu ngày chưa dùng đến vẫn không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nhận được các y vật từ những cuộc bố thí lớn tại các nơi như Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La Vân mở đại hội, chỗ năm năm đại hội một lần, rồi đem các

y vật đó nhập vào của Tăng, chưa phân chia, tuy lâu ngày vẫn không phạm tội. Nếu y vật ấy đã phân chia, nhiều người được chung một phần, trong đó có người am tường luật đồng ý tác tịnh cho mọi người thì không có tội. Nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đi đường gặp chỗ nguy hiểm đáng sợ, bèn giấu y mà đi, để quá mười ngày trở lại lấy, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu có người lấy y ấy mang đến cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo nhận thì cũng phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo bị quân giặc đuổi, bèn vứt y mà chạy, quá mười ngày, có người nhặt được y ấy, đem trả lại Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo không có tội.

Nếu y không mất mà tưởng là mất hoặc mất mà tưởng là không mất, hoặc mất mà tưởng là mất, đều không phạm nên để quá mười ngày không có tội. Nhưng nếu y không mất mà biết là y không mất, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cất y thừa quá mười ngày, muốn xả nó, thì nên nhờ một Tỳ-kheo trì luật, biết làm Yết-ma mời một số Tỳ-kheo quen biết ra ngoài đại giới, nếu nơi ấy không có giới trường thì phải kết tiểu giới để làm Yết-ma, rồi thầy Yết-ma nên nói:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy phạm vi từ ngoài chỗ Tăng ngồi một tầm trở vào, dùng phạm vi ấy làm Yết-ma. Xin các Đại đức Tăng hãy nghe! Ở tại chỗ này từ ngoài chỗ Tăng ngồi một tầm trở vào trong, dùng phạm vi ấy làm Yết-ma... Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà chấp hành”.

Chỗ đất nào không làm Yết-ma (kết cương giới) thì không được làm các việc của Tăng (không được giải quyết việc của Tăng), nếu làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Vị luật sư nên nói với Tỳ-kheo ấy: “Thầy hãy xả y này”. Rồi Tỳ-kheo ấy phải quì xuống chấp tay nói như sau:

“Mong chư Đại đức Tăng nhớ cho: Con là Tỳ-kheo mổ giáp đã cất y này quá mười ngày, phạm tội Ni-tát-kỳ, nay con xả nó giữa chúng Tăng”.

Vị luật sư lại hỏi: “Thầy đã dùng chiếc y này chưa?”. Nếu nói: “Đã dùng”, thì nên bảo: “Thầy đã phạm tội Ba-dạ-đề, vì sử dụng y bất tịnh (không đúng quy định), do sử dụng nên phạm thêm tội Việt-tỳ-ni”. Nếu đáp: “Chưa dùng”. Thì lại nói: “Thầy phạm tội Ba-dạ-đề”.

Thầy Tỳ-kheo ấy phải quì trước vị luật sư, chấp tay bạch: “Xin

Trưởng lão nhớ cho: Tôi là mỗ giáp, cất giữ y quá mười ngày, đã xả giữa chúng Tăng, trong đó phạm tội Ba-dạ-đề. Nay xin sám hối trước Trưởng lão, không dám che giấu”.

Vị luật sư hỏi: “Thầy có tự thấy tội không?”.

Nếu đáp: “Thấy”, thì nên khuyên bảo: “Chớ có phạm lại nữa”.

Đáp: “Xin vâng” (ba lần).

Rồi Tỳ-kheo ấy lại nói như sau: “Xin Trưởng lão nhớ cho: Tôi Tỳ-kheo mỗ giáp, cất y quá mười ngày, đã xả giữa chúng Tăng, trong đó phạm tội Ba-dạ-đề, vì đã sử dụng y bất tịnh, phạm thêm tội Việt-tỳ-ni, nay hướng đến Trưởng lão thành tâm sám hối tất cả các tội ấy không dám che giấu”.

Vị luật sư hỏi: “Thầy có tự thấy tội không?”.

Nếu đáp: “Thấy”, thì bảo: “Thầy chớ có tái phạm”.

Đáp: “Xin đội lên đầu chấp hành”. Lập lại như thế đến lần thứ hai, thứ ba.

Vị luật sư lại hỏi: “Trong chúng Tăng đây ai là người mà thầy quen biết?”

Nếu đáp: “Mỗ giáp”, liền nói: “Hãy ngồi theo thứ tự”. Rồi làm Yết-ma:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp đã cất y quá mười ngày và đã xả giữa chúng Tăng đúng pháp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng đem chiếc y này cho vị Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp”. Đó là lời tác bạch.

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp này cất y quá mười ngày và đã xả giữa Tăng đúng pháp. Nay Tăng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp. Các đại đức Tăng nào bằng lòng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất”.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Rồi kết luận:

“Tăng đã bằng lòng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành”.

Sau đó, thầy Tỳ-kheo quen biết nên trả y lại cho vị kia ngay trong ngày ấy, hoặc ngày hôm sau, nhưng không được trả ở giữa chúng Tăng, cũng không được để hơn nửa tháng mới trả. Thầy Tỳ-kheo ấy được y lại rồi hoặc thọ trì, hoặc tác tịnh. Nếu không biết cách thọ trì và không biết tác tịnh thì Tăng nên dạy nói như sau:

“Tôi mỗ giáp, chiếc y Tăng-già-lê này, chiếc y Uất-đa-la-tăng này,

chiếc y An-đà-hội này tôi luôn luôn thọ trì không rời nó qua đêm”.

Nói như thế Ba lần. Nếu tác tịnh thì nên dạy nói như sau:

“Tôi là Tỳ-kheo A, chiếc y này dư thừa, nay tịnh thí cho Tỳ-kheo B; vì Tỳ-kheo B ở gần tôi. Tôi sẽ tùy ý giặt phơi, vá lại và nếu có nhân duyên thì đem ra sử dụng”.

Nói như vậy Ba lần. Thế nên nói:

“Nếu Tỳ-kheo việc y đã hoàn tất, y Ca-hi-na cũng đã xả, có thể cất giữ y (ngoài ba y) trong vòng mười ngày, nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề”.

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ nhất)